

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HSST

Ngày 12/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Bình.

2. Ông: Nguyễn Đình Đại.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nam- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Hùng-- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSST ngày 28/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn H** - Sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện Y, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Đảng phái: Không.

Bố đẻ: Trần Văn Đ (hiện không rõ ở đâu).

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị O(đã chết).

Vợ: Cao Thị L - Sinh năm 1990.

Con: Có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: 02 tiền án.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/HSST ngày 15/03/2002 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xử phạt Trần Văn H 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp có giá trị 13.000.000đ) và buộc H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 7.000.000đ. Sau khi anh L có đơn yêu cầu thi hành án, H đã thi hành được khoản tiền bồi thường là 3.025.000đ, hiện còn chưa thi hành 3.975.000đ.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/HSST ngày 09/06/2014, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T xử phạt Bùi Văn H 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp có giá trị 39.280.000đ). Ngày 18/06/2015 chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2017. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người bị hại:

1. Ông Phan Văn B - sinh năm 1968.

Trú tại: thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

2. Bà: Hoàng Thị B - Sinh năm 1968.

Trú tại: thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Bùi Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 7h00 ngày 30/4/2017, Bùi Văn H điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Waze Hunda biển số 22B1 - 082.43 của mình đi từ nhà đến khu vực thôn 7, xã Q, huyện Đ để tìm xem gia đình nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 8h00 cùng

ngày, khi đi đến nhà ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B, phát hiện gia đình ông B không có ai ở nhà, cửa nhà không khóa nên H dựng xe máy ở sân rồi đi vào trong nhà tìm tài sản để trộm cắp. H thấy trong phòng ngủ có 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen, cao 77cm, rộng 36cm kê ở giáp tường, bên phải cửa ra vào nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc két trên rồi chở đi chỗ khác cạy phá, lấy tiền trong két chi tiêu. H ra cổng nhặt 01 chiếc bao tải xác rắn màu đen sọc vàng trắng, có kích thước dài 110cm, rộng 80cm ở ven đường rồi quay vào nhà với mục đích để đúc két sắt vào đó. Tại đây, H dùng tay kéo két sắt đổ nghiêng xuống nền nhà rồi nâng ngược phần đế két sắt lên, luồn bao tải xuống dưới, đẩy chiếc két vào trong, mục đích để kéo ra xe máy rồi chở đi. Do két sắt nặng, một mình H không thể cho vào bao tải được nên H đi ra sau bếp tìm tài sản khác để trộm cắp. Đúng lúc này ông B đi về nhà và phát hiện chiếc két của gia đình bị xê dịch khỏi vị trí cũ, một đầu đã đúc vào trong bao tải nên ông B đi ra khu vực hè, bếp thì gặp H tại đó. H nói với ông B là H vào nhà ông B để tìm mua bưởi. Nghi H là kẻ gian trộm cắp nên ông B bảo H lên nhà ngồi uống nước rồi điện thoại gọi con trai là anh Phan Văn C về đồng thời gọi ông Trịnh Quang Ng ở cùng xóm đến và báo Công an xã Q, huyện Đ đến giải quyết. Công an xã Q đã lập biên bản sự việc và kiểm tra két sắt thấy bên trong có 38.500.000đ. Xét thấy sự việc có dấu hiệu tội phạm, Công an xã Q đã chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với chiếc két sắt của gia đình ông B, bà B. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 59 ngày 31/05/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp có giá 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 két sắt; 38.500.000đ là tài sản do H trộm cắp của ông B, bà B. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ của H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Waze, 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn H, 01 sợi dây cao su màu đen, 01 bao tải xác rắn, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy bán, cho, tặng xe ký tên Trần Xuân H ở xã H, huyện Y, tỉnh Y. Xét thấy chiếc két sắt cùng số tiền 38.500.000đ là tài sản hợp pháp của ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B nên ngày 31/5/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông B, bà B. Đối với đồ vật tài sản còn lại Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để phục vụ việc điều tra, truy tố, xét xử.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về tài sản riêng của bị cáo: Cơ quan điều tra xác minh bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 53 ngày 25/8/2017 VKSND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND Huyện Đ đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; Khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bùi Văn H từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 13/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm a, điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Waze Hunda Biển kiểm soát 22B1 - 082.43, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy bán, cho, tặng xe ký tên Trần Xuân H ở xã H, huyện Y, tỉnh Y và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây cao su màu đen, 01 bao tải xác rắn.

- Xác nhận ngày 31/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả cho ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B: 01 kết sắt và 38.500.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người bị hại.

XÉT THẤY:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 30/04/2017, tại nhà ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B ở thôn 7, xã Q, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Bùi Văn H đã có hành vi trộm cắp của ông B, bà B 01 chiếc kết sắt trị giá 270.000đ, (hai trăm bảy mươi nghìn đồng), trong kết sắt có 38.500.000đ, (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Do chiếc kết sắt nặng H không lấy được là ngoài ý muốn chủ quan của H. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, biên bản xác định hiện trường và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nhân thân bị cáo H đã có 2 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án nên lần phạm tội này của H thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Bùi Văn H phạm

tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Nội dung điểm c khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

.....

c. Tái phạm nguy hiểm.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an xã hội và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử lý nghiêm trọng theo pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa đạt nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 18, khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân bị cáo có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo đã phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo cần phải xử phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

*** Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Qua xác minh bị cáo không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

Ngày 31/5/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc kết sắt cùng số tiền 38.500.000đ cho ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B, sau khi ông B, bà B nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho người bị hại và sau khi người bị hại nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì là tự nguyện, đúng pháp luật cần xác nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waze Hunda Biển kiểm soát 22B1 - 082.43, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy bán, cho, tặng xe ký tên Trần Xuân H ở xã H, huyện Y, tỉnh Y. Xét thấy đây là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo. Bị cáo sử dụng chiếc xe máy làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản vợ bị cáo không biết nên cần trả lại cho bị cáo chiếc xe máy và các giấy tờ trên.

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn H, là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo, hiện còn hiệu lực sử dụng nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 sợi dây cao su màu đen, 01 bao tải xác rắn là vật chứng của vụ án hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm :**

Cần buộc bị cáo Bùi Văn H phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, hình phạt đối với Bùi Văn H và đ- ờng lối xử lý vật chứng là đúng pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; Khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù đ- ọc tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 13/6/2017.

*** Về xử lý vật chứng.**

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điểm a, điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại cho bị cáo Bùi Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Waze Hunda Biển kiểm soát 22B1 - 082.43, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát 22B1 - 082.43, 01 giấy bán, cho, tặng xe ký tên Trần Xuân H ở xã H, huyện Y, tỉnh Y và 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Văn H.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây cao su màu đen, 01 bao tải xác rắn.

+ Xác nhận ngày 31/5/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả cho ông Phan Văn B và bà Hoàng Thị B: 01 kết sắt và 38.500.000đ (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Văn H phải nộp 200.000đ.(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ng- ời bị hại, vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án đ- ọc giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện+Tỉnh;
- Sở t- pháp.
- CA Huyện.
- Trại tạm giam CAT.
- Thi hành án HS.
- THADS huyện;
- Bị cáo.
- Những ng- ời bị hại.
- Lưu HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

